Bài 9. SO SÁNH CÁC SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ

1. $\boxed{> \; < \; =}$?

687 653 ... 98 978	493 701 ... 654 702
687 653 ... 687 599	700 000 ... 69 999
857 432 ... 857 432	857 000 ... 856 999

2. a) Khoanh vào số lớn nhất : 356 872 ; 283 576 ; 638 752 ; 725 863.

b) Khoanh vào số bé nhất : 943 567 ; 394 765 ; 563 947 ; 349 675.

3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Dãy số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là :

A. 89 124 ; 89 259 ; 89 194 ; 89 295

B. 89 194 ; 89 124 ; 89 295 ; 89 259

C. 89 295 ; 89 259 ; 89 124 ; 89 194

D. 89 124 ; 89 194 ; 89 259 ; 89 295

4. Viết tiếp vào chỗ chấm :

a) Số "bảy mươi nghìn" viết là .....

b) Số "một trăm nghìn" viết là .....

c) Số "ba trăm mười lăm nghìn" viết là .....

d) Số "hai trăm tám mươi nghìn" viết là .....

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Trong các hình dưới đây, hình có chu vi lớn nhất là :

A. Hình vuông $\mathcal{A}$

B. Hình chữ nhật $\mathcal{B}$

C. Hình chữ nhật $\mathcal{C}$

D. Hình chữ nhật $\mathcal{D}$

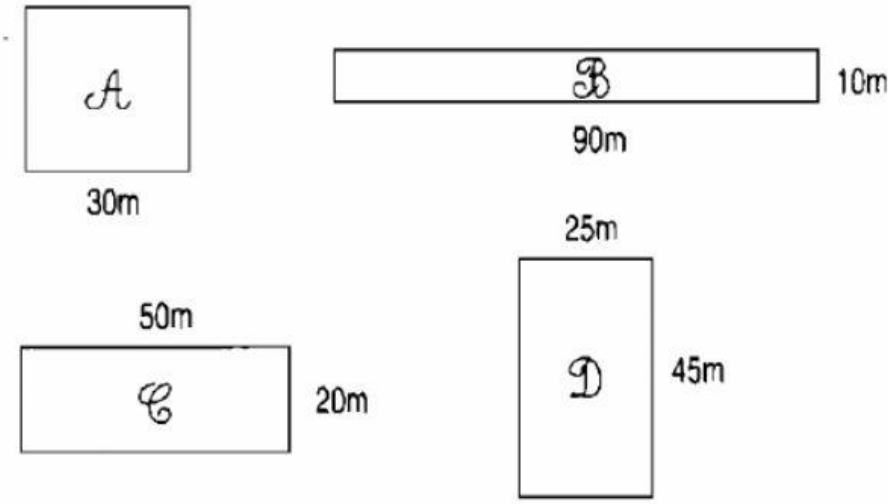

LIVEWORKSHEETS